

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 179/2024/HS-ST
Ngày: 29-8-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thái Bình Hòa

Bà Huỳnh Thị Thùy Dương

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Cẩm Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Trần Thanh Thảo - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 50/2024/HSST ngày 01 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 146/2024/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 5 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Trần Thị Ngọc E, sinh ngày 27 tháng 11 năm 2000 tại tỉnh Kiên Giang. Nơi cư trú: Tổ 13, ấp L, xã H, huyện N, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Nhân viên phục vụ; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H và bà Lê Hạnh D; bị cáo chưa có chồng, con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam ngày 26/6/2023; có mặt.

2. Danh Thị Thúy A, sinh ngày 13 tháng 10 năm 2000 tại tỉnh Kiên Giang. Nơi cư trú: Tổ 9, ấp H, xã T, huyện H, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Nhân viên phục vụ; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Khmer; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Danh T và bà Đỗ Thị C; bị cáo chưa có chồng, con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam ngày 26/6/2023; có mặt.

3. Nguyễn Văn L, sinh ngày 12 tháng 9 năm 1998 tại tỉnh An Giang. Nơi cư trú: Ấp B, xã N, huyện A, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Đoàn Thị H; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam ngày 26/6/2023; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Chị Trương Gia M, sinh năm 2004; nơi cư trú: Tổ 8, ấp T, xã V, huyện T, tỉnh An Giang; vắng mặt.

2. Chị Nhâm Ngọc N, sinh ngày 28/6/2006; nơi cư trú: Tổ 9, ấp P, xã V, huyện A, tỉnh Kiên Giang; vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Chí H, sinh năm 1994; nơi cư trú: Ấp 3, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

- *Người làm chứng:* Ông Trần Thủ Đ; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 25/6/2023, Danh Thị Thúy A nhắn tin rủ Trần Thị Ngọc E sang phòng trọ của A để sử dụng ma túy, do E không có phương tiện, nên E nói A đến phòng trọ của E tại địa chỉ số 194/27/9, đường N, khu phố 8, phường P, thành phố Thủ Dầu Một sử dụng ma túy; tiếp đó, A nhắn tin rủ Trương Gia M đi sử dụng ma túy, rồi A và M đón xe Grab đi đến phòng trọ của E.

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 25/6/2023, A và M đến phòng trọ của E; E lấy 01 gói ma túy để lên bàn rồi đi sang phòng trọ của chị P (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) mượn đĩa sứ, E thấy chị P đang nằm ngủ nên Ngọc E tự đến lấy đĩa sứ đang để trên kệ đựng chén; tiếp đó, E đi sang phòng trọ của chị Nhâm Ngọc N mượn ống hút; do chị N đang tắm nên E tự đi vào phòng lấy 01 ống hút được quấn bằng tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng và 01 ống hút được quấn bằng tờ mệnh giá 20.000 đồng cùng 01 thẻ nhựa. Sau khi mượn được dụng cụ, E đưa dụng cụ và gói ma túy cho A, còn E đi vào phòng vệ sinh; A đổ gói ma túy ra đĩa rồi dùng thẻ nhựa chia thành nhiều đường, A sử dụng trước rồi đưa cho M sử dụng, còn E vệ sinh xong ra lấy đĩa ma túy sử dụng. Sau đó, mọi người nằm nghe nhạc và sử dụng ma túy.

Khi thấy ma túy gần hết, A nhắn tin cho E là mua thêm ma túy để sử dụng, E đồng ý, còn M say ma túy đang nằm ngủ. Lúc này, E nghe tiếng của Nguyễn Chí H ở phòng trọ của chị P, E đi sang rủ H qua phòng của E sử dụng ma túy, H đồng ý và sang phòng trọ của E thấy đĩa ma túy trên bàn đã đến lấy sử dụng. Sau đó, E đi sang phòng trọ của Nhâm Ngọc N rủ N qua phòng của E sử dụng ma túy, N sang phòng của Ngọc E nhìn thấy đĩa ma túy trên bàn, N tự đến lấy sử dụng.

Để có ma túy sử dụng tiếp, A gọi cho Nguyễn Văn L hỏi mua “nửa hộp năm” ma túy Khay, L đồng ý và báo giá 2.500.000 đồng, A gửi định vị phòng trọ của E cho L đem ma túy đến; một lúc sau, L đến đưa ma túy cho A, A nhận ma túy rồi chuyển khoản 2.500.000 đồng cho L; đồng thời, A rủ L ở lại sử dụng ma túy cùng với mọi người; A đổ một nửa ma túy vừa mua của L ra đĩa, L đến lấy hít 02 đường rồi ra về. Sau đó, E, A, H và N tiếp tục sử dụng ma túy; còn M khi thức dậy thấy có ma túy đã lấy sử dụng rồi tiếp tục nằm ngủ.

Đến khoảng 21 giờ ngày 25/6/2023, Nguyễn Chí H đón xe Grab về thành phố Thuận An uống bia cùng với bạn. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày 25/6/2023, A và M thức dậy đón Grab đi về phòng trọ; sau khi trở về phòng trọ, A nhắn tin cho E biết sẽ chia số tiền mua ma túy của L. Khoảng 00 giờ ngày 26/6/2023, E nhắn tin rủ H trở lại phòng trọ của E tiếp tục sử dụng ma túy. Đến khoảng 01 giờ 15 phút ngày 26/6/2023, H trở lại phòng trọ của E rồi cùng với E và N sử dụng ma túy.

Đến khoảng 09 giờ 30 phút ngày 26/6/2023, lực lượng Công an tiến hành kiểm tra phòng trọ do E thuê, phát hiện trong phòng có E, N và H, trên bàn trong phòng có 01 đĩa sứ đựng chứa chất màu trắng, 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng được quấn thành ống hút, 01 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng được quấn thành ống hút, 01 thẻ nhựa, 01 đèn chiếu và 01 loa nghe nhạc. Qua làm việc, E khai chất màu trắng trên đĩa sứ là ma túy do E và A mua để sử dụng; lực lượng Công an lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với E và thu giữ các vật chứng như trên cùng với điện thoại Iphone 14 Pro Max, gắn sim số 0384.078.808 của E.

Ngày 26/6/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một thi hành lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Danh Thị Thúy A và thu giữ 01 điện thoại Iphone 12 Pro Max, gắn sim số 0888.336.808.

Cùng ngày 26/6/2023, Cơ quan điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một thi hành lệnh khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Văn L tại phòng trọ có địa chỉ tại số 453/40/21A, đường L, Khu phố 3, phường P, thành phố Thủ Dầu Một; qua kiểm tra phát hiện và thu giữ: 01 túi nylon miệng kéo dính chứa 01 viên nén màu xanh, L khai là thuốc lắc do L tàng trữ để bán cho con nghiện và 01 điện thoại Iphone 12 Pro Max, gắn sim số 0326.691.319; đồng thời, thi hành lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Nguyễn Văn L về hành vi mua bán trái phép chất ma túy.

Quá trình điều tra, L khai đã nhiều lần mua ma túy của một người nam tại khu vực vòng xoay An Phú thuộc thành phố Thuận An để bán lại cho các con nghiện từ tháng 02/2023. Riêng đối với Danh Thị Thúy A, L đã bán ma túy cho A 03 lần, 02 lần vào khoảng tháng 3/2023, L nhờ bạn tên N đi giao ma túy cho A; lần thứ ba, L bán ma túy cho A như đã nêu trên.

Đối với Trương Gia M, Nguyễn Chí H và Nhâm Ngọc N, quá trình điều tra xác định: Khi A và E mua thêm ma túy để sử dụng thì M, H và N không biết, nên Cơ quan điều tra không đề cập truy cứu trách nhiệm hình sự. Ngày 01/10/2023, Công an thành phố Thủ Dầu Một ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với M, H và N mỗi người 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Về người nam bán ma túy cho L và người tên N đi giao ma túy cho L, quá trình điều tra chưa xác định được nhân thân, lai lịch.

Tại các Phiếu xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể ngày 26/6/2023 của Trung tâm Y tế thành phố Thủ Dầu Một xác định: Trần Thị Ngọc E, Danh Thị Thúy A, Trương Gia M, Nhâm Ngọc N và Nguyễn Chí H đều dương tính với chất ma túy, loại Ketamine.

Tại Bản kết luận giám định số 296/KL-KTHS(MT) ngày 04/7/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương, kết luận:

- Chất màu trắng bên trong 01 túi nylon miệng kéo dính được đựng trong 01 bì thư được niêm phong (ký hiệu M1) có chữ ký của người bị bắt Trần Thị Ngọc E; người làm chứng Nguyễn Chí H, Nhâm Ngọc N; người chứng kiến Trần Thủ Đ, chữ ký của cán bộ niêm phong Lê Đình V và hình dấu đỏ của Công an phường Phú Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương là ma túy, loại Ketamine, có khối lượng là 0,4153 gam.

- Viên nén, màu xanh bên trong 01 túi nylon miệng kéo dính được đựng trong 01 bì thư được niêm phong (ký hiệu M2) có chữ ký của người bị bắt Nguyễn Văn L, người chứng kiến Đoàn Thành N, chữ ký của cán bộ niêm phong Nguyễn Thành T và hình dấu đỏ của Công an phường Phú Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương là ma túy, loại MDMA, có khối lượng là 0,3549 gam (khối lượng ma túy này đã phục vụ hết cho công tác giám định).

Vật chứng chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, gồm: Khối lượng ma túy hoàn lại sau giám định 0,3861 gam, loại Ketamine, 01 đĩa sứ, 01 thẻ nhựa, 01 đèn chiếu, 01 loa nghe nhạc, 01 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng, 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng, 01 điện thoại Iphone 14 Pro Max, gắn sim số 0384.078.808, 01 điện thoại Iphone 12 Pro Max, gắn sim số 0888.336.808 và 01 điện thoại Iphone 12 Pro Max, gắn sim số 0326.691.319.

Tại Cáo trạng số 66/CT-VKSTDM ngày 29/02/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một đã truy tố bị cáo Trần Thị Ngọc E và Danh Thị Thuý A để xét xử về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; truy tố bị cáo Nguyễn Văn L để xét xử về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố; đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Thị Ngọc E từ 07 năm 03 tháng đến 08 năm 03 tháng tù; căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Danh Thị Thuý A từ 07 năm 03 tháng đến 08 năm 03 tháng tù; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm 06 tháng tù; về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy số ma túy hoàn lại sau giám định, 01 cái đĩa bằng sứ, thẻ nhựa, 01 đèn chiếu và 01 loa nghe nhạc; tịch thu, sung ngân sách nhà nước 02 tờ tiền được quán thành ông hút và các điện thoại đã thu giữ của các bị cáo.

Tại phần tranh luận, các bị cáo không tranh luận với Kiểm sát viên về tội danh, khung hình phạt và mức hình phạt đã đề nghị. Anh Nguyễn Chí H không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo Trần Thị Ngọc E nói lời sau cùng: Bị cáo thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ cho bị cáo để bị cáo sớm trở về làm lại cuộc đời.

Bị cáo Danh Thị Thuý A nói lời sau cùng: Bị cáo thấy việc làm của mình là sai trái, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình.

Bị cáo Nguyễn Văn L nói lời sau cùng: Bị cáo thấy việc làm của mình là sai trái, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo Trần Thị Ngọc E, Danh Thị Thúy A và Nguyễn Văn L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người làm chứng, vật chứng của vụ án, biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản xác định hiện trường, kết luận giám định khối lượng mẫu vật, loại chất ma túy và các chứng cứ, tài liệu đã được thu thập có tại hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở xác định: Ngày 25/6/2023, tại phòng trọ của Trần Thị Ngọc E, địa chỉ tại số 194/27/9, Tổ 6, Khu phố 8, phường P, thành phố T, Trần Thị Ngọc E và Danh Thị Thúy A đã có hành vi tổ chức cho E, A, Trương Gia M, Nguyễn Chí H, Nhâm Ngọc N và Nguyễn Văn L sử dụng trái phép chất ma túy; trong đó, Nhâm Ngọc N là người dưới 18 tuổi; Nguyễn Văn L đã có hành vi nhiều lần bán ma túy cho Danh Thị Thúy A và các đối tượng nghiện khác. Như vậy, Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố bị cáo Trần Thị Ngọc E và Danh Thị Thúy A để xét xử về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, quy định tại các điểm b, c khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và đề nghị truy tố bị cáo Nguyễn Văn L để xét xử về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; các bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[3] Về nhận thức, các bị cáo biết hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và mua bán trái phép chất ma túy và là vi phạm pháp luật hình sự, nhưng vì mục đích cá nhân nên các bị cáo đã thực hiện; do đó, các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, gây tác hại xấu đến trật tự công cộng và an toàn xã hội. Do đó, với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện, phải có mức hình phạt tương xứng, cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt; đồng thời, để răn đe và phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Về vai trò đồng phạm: Bị cáo E và A cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội không có sự phân công chặt chẽ, thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn; trong đó, bị cáo A là người khởi xướng, đặt mua ma túy là người rủ M và L sử dụng trái phép chất ma túy; bị cáo E là người chuẩn địa điểm, cung cấp ma túy, công cụ và rủ N và H sử dụng trái phép chất ma túy, nên bị cáo E và A có vai trò ngang nhau trong vụ án; bị cáo L tự mình thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương ứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện.

[6] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Không.

[7] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo L có ông ngoại được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 (áp dụng đối với bị cáo L) Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[8] Đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện là rất nguy hiểm cho xã hội; tuy nhiên, các bị cáo có nhân thân tốt và các bị cáo nhất thời phạm tội, nên đề nghị của Viện Kiểm sát về mức hình phạt đối với các bị cáo là tương xứng, đúng pháp luật.

[9] Về người bán ma túy cho L và người tên N đi giao ma túy cho L; do chưa xác định được nhân thân, lai lịch, nên khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

[10] Đối với Trương Gia M, Nguyễn Chí H và Nhâm Ngọc N; khi A và E bàn bạc và mua thêm ma túy để sử dụng thì M, H và N không biết, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra và Viện Kiểm sát không đề cập xử lý trách nhiệm hình sự là phù hợp.

[11] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn L khai nhận đã thu lợi từ việc bán ma túy tổng cộng 5.000.000 đồng; do đây là số tiền thu lợi bất chính, nên cần buộc bị cáo phải nộp lại để sung vào ngân sách nhà nước.

[12] Về vật chứng của vụ án: Cần tịch thu tiêu hủy số ma túy hoàn lại sau giám định, 01 cái đĩa bằng sứ, thẻ nhựa, 01 đèn chiếu và 01 loa nghe nhạc không còn giá trị sử dụng. Đối với 02 tờ tiền được quán thành ông hút và các điện thoại đã thu giữ của các bị cáo; đây là các công cụ, phương tiện mà các bị cáo đã sử dụng để phạm tội, nên cần tịch thu, sung ngân sách nhà nước.

[13] Về án phí sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 260, Điều 290, 331 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Trần Thị Ngọc E và Danh Thị Thúy A phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

2. Về trách nhiệm hình sự:

2.1. Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Trần Thị Ngọc E 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/6/2023.

2.2. Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Danh Thị Thúy A 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/6/2023.

2.3 Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/6/2023.

3. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46 và Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Buộc bị cáo Nguyễn Văn L phải nộp số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) để sung vào ngân sách nhà nước.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tuyên tịch thu tiêu hủy:

- 02 (hai) bì thư được niêm phong ghi số 369M1/PC09 và 369M2/PC09 có chữ ký của Trần Thị Ngọc E, Nguyễn Văn L (người chứng kiến), Trần T (Cán bộ nhận mẫu), Nhan Thái H (Cán bộ trả mẫu); đóng dấu tròn đỏ của Công an phường Phú Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương và dấu tròn đỏ niêm phong của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương. Theo Kết luận giám định số 369/KL-KTHS(MT) ngày 04/7/2023 và Biên bản đóng gói, niêm phong và giao nhận lại đối tượng giám định ngày 26/6/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương thì bên trong chứa: Ma túy loại Ketamine, có khối lượng sau giám định: M1 = 0,3861 gam (Bì thư 369M1/PC09); M2 đã phục vụ hết cho công tác giám định, bên trong không có gì (Bì thư 369M2/PC09);

- 01 loa nghe nhạc màu vàng; 01 đèn led chiếu sáng nhiều màu; 01 thẻ nhựa màu hồng và 01 đĩa sứ màu trắng.

Tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước:

- 01 bì thư niêm phong có ghi số 10.000 đồng có đóng dấu tròn đỏ của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, có chữ ký của Nguyễn Ngọc H, Lưu Thị

Huyền N, Nguyễn Lương N, Nguyễn Văn T bên trong bì thư có chứa: 01 tờ tiền polymer mệnh giá 10.000 đồng được quán thành hình ống tròn;

- 01 bì thư niêm phong có ghi số 20.000 đồng có đóng dấu tròn đỏ của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, có chữ ký của Nguyễn Ngọc H, Lưu Thị Huyền N, Nguyễn Lương N, Nguyễn Văn T bên trong bì thư có chứa: 01 tờ tiền polymer mệnh giá 20.000 đồng được quán thành hình ống tròn;

- 01 điện thoại di động đã qua sử dụng nhãn hiệu Iphone 14 Pro Max, màu vàng, màn hình bị nứt, có sim bên trong nhưng không kiểm tra được số thuê bao do không mở máy lên được (không kiểm tra chi tiết, tình trạng hoạt động); 01 điện thoại di động đã qua sử dụng nhãn hiệu Iphone 12 Pro Max, màu xanh, viền bị trầy, gắn sim số 0326.691.319 (không kiểm tra chi tiết, tình trạng hoạt động) và 01 điện thoại di động đã qua sử dụng nhãn hiệu Iphone 12 Pro Max, màu trắng, gắn sim số 0888.336.808 (không kiểm tra chi tiết, tình trạng hoạt động).

(Theo biên bản giao nhận vật chứng số 077.24 ngày 21/02/2024 giữa Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một).

5. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc các bị cáo Trần Thị Ngọc E, Danh Thị Thúy A và Nguyễn Văn L mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Công an thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- Sở Tư Pháp tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Trường